

LẬP TRÌNH WEB

CHƯƠNG 2: LẬP TRÌNH WEB VỚI HTML & CSS (P2)

- ❖ **Giới thiệu HTML**
- ❖ **Các thẻ HTML cơ bản**
- ❖ **Các thẻ HTML trong trình bày văn bản**
- ❖ **Sử dụng bảng**
- ❖ **Sử dụng biểu mẫu và khung**
- ❖ **Sử dụng CSS**

- ❖ Mọi thẻ html đều có một **style** mặc định (chữ đen, nền trắng, cỡ chữ 12px ...), muốn thay đổi style mặc định ta phải thêm thuộc tính **style**.
- ❖ Cú pháp: **style="property1:value1; property2:value2;"**
 - **Property** là thuộc tính CSS
 - **Value** là giá trị CSS đó
- ❖ Một số style cơ bản:
 - Màu chữ: **<h1 style="color: red">Tiêu đề 1</h1>**
 - Cỡ chữ: **font-size: 16px**
 - Font chữ: **font-family: verdana**
 - Căn lề: **text-align: center**

- ❖ Giới thiệu CSS
- ❖ Quy ước về cách viết CSS
- ❖ Các thuộc tính định dạng

- ❖ CSS (Cascading Style Sheets) là một ngôn ngữ quy định cách trình bày cho các tài liệu viết bằng HTML.
- ❖ Chúng ta dùng CSS vì: CSS giúp chúng ta định nghĩa các phương thức chuẩn, sau đó chúng ta áp dụng phương thức đó vào bất kỳ trang nào chúng ta muốn. Điều đó khiến việc biểu diễn trang web trở lên linh hoạt, đa dạng.

❖ Cách 1: Đặt nội tuyến (Inline)

```
<html>
```

```
<head> <title>Ví dụ</title> </head>
```

```
<body style="background-color:#000;">
```

```
<p style="color:white"> Welcome To MyWebsite  
</p>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

❖ Cách 2: Bên trong (thẻ style) bằng cách rút tất cả các thuộc tính CSS vào trong thẻ style (**Internal**)

```
<html>
```

```
  <head> <title>Ví dụ</title>
```

```
    <style type="text/css">
```

```
    body { background-color:#000 }
```

```
    p { color:white }
```

```
    </style>
```

```
  </head>
```

```
  <body>
```

```
    <p>^_^ Welcome To MyWebsite ^_^</p>
```

```
  </body>
```

```
</html>
```

Lưu ý: Thẻ style nên đặt trong thẻ head.

❖ Cách 3: Liên kết ngoài (External)

Cú pháp để chèn file css vào trang là:

```
<link rel="stylesheet" type="text/css"  
      href="filename.css" />
```

Hoặc

```
<style type="text/css"> @import url("filename.css")  
</style>
```


Ví dụ: Để định màu nền cho một trang web là xanh nhạt (light cyan):

❖ **Trong HTML:** `<body bgcolor="#00BFF3">`

Trong CSS: `body { background-color:#00BFF3; }`

❖ **Cú pháp CSS cơ bản:**

```
Selector {  
    property1: value1;  
    property2: value2;  
    ...  
}
```

Selector: Các đối tượng mà chúng ta sẽ áp dụng các thuộc tính trình bày.

Property: Chính là các thuộc tính quy định cách trình bày. Như: background-color, font-family, color, padding, margin,...

❖ Thuộc tính id và class của các thẻ HTML

Use **id** to address **single** elements. Use **class** to address **groups** of elements.

❖ Element Selector:

```
p {  
    text-align: center;  
    color: red;  
}
```

❖ ID Selector:

```
#para1 {  
    text-align: center;  
    color: red;  
}
```

❖ Class Selector:

```
.center {  
    text-align: center;  
    color: red;  
}
```

❖ Group Selector:

```
h1, h2, p {  
    text-align: center;  
    color: red;  
}
```

❖ Định dạng nền trang

- Màu nền: background-color
- Ảnh nền: background-image (mặc định ảnh sẽ được nhân theo chiều ngang và chiều dọc nếu chưa hết độ dài độ cao của phần tử)
- Lặp lại ảnh nền: background-repeat (repeat-x, repeat-y)
- Tổng hợp:

```
body {  
    background: #ffffff url("img_tree.png") no-repeat right top;  
}
```

❖ Định dạng text

- color (màu chữ)
- text-align (căn lề)
- text-decoration (gạch chân, gạch ngang, ...)
- text-transform (chữ thường, chữ hoa, ...)

❖ Định dạng font chữ:

- font-family
- font-style
- font-weight
- font-size (đơn vị em hoặc px)

```
h1 {  
    font-size: 2.5em; /* 40px/16=2.5em */  
}  
  
h2 {  
    font-size: 1.875em; /* 30px/16=1.875em */  
}  
  
p {  
    font-size: 0.875em; /* 14px/16=0.875em */  
}
```

❖ Định dạng liên kết

a { border:1px solid #000; font-size:14px }

a:link { color:#00FF00; } *(đường dẫn chưa từng click)*

a:hover{background-color:#00BFF3;color:#FF00FF;font-size:1.2em;text-decoration:blink } *(đường dẫn khi di chuột qua)*

a:visited { background-color:#FFF568; color:#FF0000; text-decoration:none } *(đường dẫn đã từng được click)*

a:active { color: #0000FF; } *(đường dẫn vào thời điểm click chuột)*

❖ Định dạng bullet:

■ Kiểu bullet

```
ul.a {  
    list-style-type: circle;  
}  
  
ul.b {  
    list-style-type: square;  
}  
  
ol.c {  
    list-style-type: upper-roman;  
}  
  
ol.d {  
    list-style-type: lower-alpha;  
}
```

■ Bullet hình ảnh:

```
ul {  
    list-style-image: url('sqpurple.gif');  
}
```

Các thuộc tính định dạng

❖ Định dạng hình khối:



❖ Ví dụ:

```
div {  
  width: 300px;  
  padding: 25px;  
  border: 25px solid navy;  
  margin: 25px;  
}
```

❖ Một số định dạng khác:

- Display
- Position
- Float